TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3- 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hà Thị Vinh;
Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12/01/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị N, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
- *Bị đơn:*Anh Trần Văn T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N, anh T cùng có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lý Thị N trình bày: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 29/4/2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại xóm 4 xã T. Quá trình chung sống anh chị không được hoà hợp, được 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con, đánh chị và xúc phạm gia đình chị. Chị đã làm đơn xin ly hôn 01 lần, sau đó lại rút đơn về nhưng mẫu thuẫn không được giải quyết. Chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 11/2016 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị để anh T nuôi cháu A.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung của ai.

Qúa trình giải quyết vụ án tại bản tự khai anh Trần Văn T trình bày về quen biết, kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống anh và chị N hoà thuận, hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mẫu thuẫn. Năm 2015 chị N đã làm đơn xin ly hôn. Vợ chồng anh đến Toà, Toà hoà giải thì vợ chồng lại về đoàn tụ. Vợ chồng về ở với nhau khoảng 01 năm lại phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 11/2016 chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị N xin ly hôn, anh nhất trí.

Anh và chị N có 01 con là cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Khi ly hôn anh nhận nuôi con, không đề nghị chị N cấp dưỡng.

Chị Lý Thị N và anh Trần Văn T cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N tự nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000đ/ 1 tháng từ tháng 4/2018, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kết quả xác minh:

Trưởng thôn 4, xã T, ông Vũ Văn H cho biết: Mâu thuẫn của chị N, anh T đã phát sinh từ lâu. Trước đây vợ chồng đã làm đơn ra Toà 01 lần, nhưng sau đó lại về đoàn tụ. Hiện nay cả hai vợ chồng anh chị đều đi làm ăn xa. Anh chị có một con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Tài sản chung theo thôn biết là không có gì và không vay nợ của ai.

Bà Trần Thị Th, là mẹ của anh Trần Văn T cho biết: Vợ chồng anh T, chị N kết hôn, có đăng ký kết hôn, về chung sống với nhau tại thôn 4, xã T. Sau khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã làm đơn xin ly hôn gửi Toà 01 lần nhưng sau đó lại về đoàn tụ. Vợ chồng chị N, anh T có 01 con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Vợ chồng chị N, anh T không có tài sản gì chung, không có vay vợ chung.

Bà Nguyễn Thị Ngh – nguyên là Trưởng thôn thôn Sông Lô 8, xã A, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang (Nơi bà Trần Thị Th tạm trú) cho biết. Tháng 8/2017 bà chứng kiến việc chị Lý Thị N, anh Trần Văn T viết giấy thoả thuận ly hôn tại nơi bà Th ở.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Lý Thị N ly hôn anh Trần Văn T; Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Chị Lý Thị N cấp dưỡng nuôi

con chung cùng anh T 1.000.000đ/tháng từ tháng 4/2018, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Chị Lý Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Chị N, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.Tòa án nhận định:

(1) Chị Lý Thị N, anh Trần Văn T cùng cư trú tại thôn 4, xã T, huyện Y. Chị N có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn ở xa, xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Chị Lý Thị N có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 BLTTDS Toà án xét xử vụ án.

(3) Hôn nhân của chị Lý Thị N và anh Trần Văn T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Chị N, anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2016, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N ly hôn anh T.

(4) Con chung: Chị Lý Thị N và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012. Chị N, anh T cùng có ý kiến khi ly hôn anh T trực tiếp nuôi con. Chị N tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng từ tháng 4/2018. Do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng từ tháng 4/2018, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

(5) Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng không có giá ngạch và theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp, chị N còn phải nộp 300.000đ.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N xin ly hôn anh Trần Văn T.

Tuyên xử:

1.Cho chị Lý Thị N ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Minh A, sinh ngày 15/01/2012 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lý Thị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng từ tháng 4/2018, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu cấp dưỡng, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành tương ứng với khoản tiền chậm thi hành và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân, gia đình và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004514 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Chị N còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí.

4. Chị Lý Thị N và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

" Tr□ờng hợp quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"./.

CÁCTHÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoa **Hà Thị Vinh** **Phan Anh Thành**

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành